

Số: 5482753

|                                                | Mazda6 2.5L Signature (2024) | Kia Sportage 2.0G Premium    |
|------------------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| <b>Giá niêm yết:</b>                           | <b>899.000.000đ</b>          | <b>819.000.000đ</b>          |
| <b>KÍCH THƯỚC - KHỐI LƯỢNG:</b>                |                              |                              |
| Kích thước tổng thể (mm)                       | 4865 x 1840 x 1450           | 4660 x 1865 x 1700           |
| Chiều dài cơ sở (mm)                           | 2830                         | 2755                         |
| Bán kính quay vòng tối thiểu (mm)              | 5600                         | 5890                         |
| Khoảng sáng gầm xe (mm)                        | 165                          | 190                          |
| Khối lượng không tải (kg)                      | 1550                         | 1520                         |
| Khối lượng toàn tải (kg)                       | 2000                         | 1970                         |
| Thể tích khoang hành lý (L)                    | 480                          | 543                          |
| Dung tích thùng nhiên liệu (L)                 | 62                           | 54                           |
| Số chỗ ngồi                                    | 5                            | 5                            |
| Nguồn gốc                                      | SX-LR trong nước             | SX-LR trong nước             |
| <b>DẪN ĐỘNG - KHUNG GẮM:</b>                   |                              |                              |
| Loại động cơ                                   | Skyactiv-G 2.5L              | Xăng 2.0L                    |
| Dung tích xi lanh (cc)                         | 2488                         | 1999                         |
| Công suất cực đại (hp @ rpm)                   | 188 / 6000                   | 154 / 6200                   |
| Mômen xoắn cực đại (Nm @ rpm)                  | 252 / 4000                   | 192 / 4500                   |
| Hộp số                                         | 6AT                          | 6AT                          |
| Hệ thống dẫn động                              | Cầu trước (FWD)              | Cầu trước (FWD)              |
| Hệ thống treo trước                            | Độc lập Mc Pherson           | Mc Pherson                   |
| Hệ thống treo sau                              | Liên kết đa điểm             | Liên kết đa điểm             |
| Hệ thống phanh trước                           | Đĩa                          | Đĩa                          |
| Hệ thống phanh sau                             | Đĩa                          | Đĩa                          |
| Thông số lốp xe                                | 225/45 R19                   | 235/55 R19                   |
| Tiêu thụ nhiên liệu đô thị (L/100km)           | 9.57                         | 9.5                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu ngoài đô thị (L/100km)     | 5.33                         | 6.3                          |
| Tiêu thụ nhiên liệu hỗn hợp (L/100km)          | 6.89                         | 7.5                          |
| Hệ thống dừng/Khởi động động cơ thông minh     | ●                            |                              |
| Chế độ lái                                     | Normal/Sport                 | Normal / Eco / Sport / Smart |
| <b>NGOẠI THẤT:</b>                             |                              |                              |
| Cụm đèn trước                                  | LED                          | LED                          |
| Đèn trước tự động bật/tắt                      | ●                            | ●                            |
| Đèn trước tự động chiếu xa/chiếu gần           | Đèn thích ứng thông minh ALH |                              |
| Đèn trước chức năng tự động cân bằng góc chiếu | ●                            |                              |
| Đèn ban ngày LED                               | ●                            | ●                            |
| Đèn sương mù                                   | LED                          |                              |
| Cụm đèn sau                                    | LED                          | LED                          |
| Gương chiếu hậu chỉnh điện, gập điện           | ●                            | ●                            |
| Gạt mưa tự động                                | ●                            | ●                            |
| Cửa sổ trời                                    | ●                            |                              |
| <b>NỘI THẤT - TIỆN NGHI:</b>                   |                              |                              |
| Vô lăng bọc da                                 | ●                            | ●                            |
| Chất liệu ghế                                  | Da (Nappa)                   | Da                           |

|                                                 |                         |                           |
|-------------------------------------------------|-------------------------|---------------------------|
| Ghế người lái chỉnh điện                        | ●                       | ●                         |
| Ghế người lái có nhớ vị trí                     | ●                       |                           |
| Ghế hành khách phía trước chỉnh điện            | ●                       |                           |
| Hàng ghế trước có tính năng làm mát             | ●                       |                           |
| Kính cửa sổ chỉnh điện                          | ●                       | ●                         |
| Màn hình đồng hồ đa thông tin                   | Analog & Digital        | Digital Segment + LCD 4.2 |
| Màn hình HUD                                    | ●                       |                           |
| Màn hình giải trí trung tâm                     | 8                       | AVN 12.3"                 |
| Kết nối Apple Carplay/Android Auto              | ●                       | ●                         |
| Hệ thống điều hòa tự động                       | ●                       | ●                         |
| Số vùng khí hậu điều hòa                        | 2                       | 2                         |
| Cửa gió cho hàng ghế sau                        | ●                       | ●                         |
| Chìa khóa thông minh                            | ●                       | ●                         |
| Khởi động nút bấm                               | ●                       | ●                         |
| Hệ thống âm thanh                               | 11 loa Bose             | 6 loa                     |
| Lấy chuyển số                                   | ●                       | ●                         |
| Sạc không dây Qi                                | ●                       |                           |
| Phanh đỗ điện tử                                | ●                       | ●                         |
| Giữ phanh tự động Autohold                      | ●                       | ●                         |
| Rèm che nắng                                    | ● (Chỉnh điện phía sau) |                           |
| Móc khóa ghế trẻ em ISOFIX                      | ●                       | ●                         |
| <b>AN TOÀN:</b>                                 |                         |                           |
| Số túi khí                                      | 6                       | 6                         |
| Hệ thống chống bó cứng phanh ABS                | ●                       | ●                         |
| Hệ thống phân phối lực phanh EBD                | ●                       | ●                         |
| Hệ thống hỗ trợ phanh khẩn cấp BA               | ●                       |                           |
| Hệ thống cảnh báo phanh khẩn cấp ESS            | ●                       |                           |
| Hệ thống cân bằng điện tử                       | ●                       | ●                         |
| Hệ thống kiểm soát lực kéo chống trượt TCS      | ●                       |                           |
| Hệ thống hỗ trợ khởi hành ngang dốc HLA         | ●                       | ●                         |
| Mã hóa chống sao chép chìa khóa                 | ●                       | ●                         |
| Hệ thống cảnh báo chống trộm                    | ●                       |                           |
| Cảm biến hỗ trợ đỗ xe                           | Trước & Sau             | Trước & Sau               |
| Hệ thống cảnh báo điểm mù                       | ●                       | ●                         |
| Hệ thống cảnh báo phương tiện cắt ngang khi lùi | ●                       |                           |
| Hệ thống cảnh báo lệch làn đường                | ●                       |                           |
| Hệ thống hỗ trợ giữ làn đường                   | ●                       |                           |
| Hệ thống hỗ trợ phanh chủ động                  | ●                       |                           |
| Hệ thống điều khiển hành trình                  | -                       | ●                         |
| Hệ thống điều khiển hành trình thích ứng        | ●                       |                           |
| Camera lùi                                      | ● (Camera 360)          | ●(Tích hợp camera 360)    |